

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 590/2023/DS-PT
Ngày: 29-11-2023
V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay
tài sản, Đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy.

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Phan Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 267/2023/TLPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản, Đòi tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2023/DS-ST ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 729/2023/QĐ-PT ngày 11 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T sinh năm 1976;

Địa chỉ: đường P, Ấp D, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1957 (theo Giấy ủy quyền ngày 13/7/2022) (có mặt);

Địa chỉ: đường L, Phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Bùi Lưu L, Văn phòng L1, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T (có mặt).

- Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị Linh C, sinh năm 1974 (có mặt);

2. Ông Nguyễn Thanh D1 sinh năm 1973;

Người đại diện theo ủy quyền của ông D1: Bà Nguyễn Thị Linh C, sinh năm 1974 (theo Giấy ủy quyền ngày 19/5/2023) (có mặt);

Cùng địa chỉ: Tổ B, ấp L, xã P, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà C: Luật sư Nguyễn Văn T1, Văn phòng Luật sư Nguyễn Văn T1, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Huỳnh Thị Thùy T2, sinh năm 1983;

Địa chỉ: đường P, Ấp D, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T2: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1957 (theo Giấy ủy quyền ngày 13/7/2022) (có mặt);

Địa chỉ: đường L, Phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T2: Luật sư Bùi Lưu L, Văn phòng L1, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T (có mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Ông Phan Ngọc H, sinh năm 1975 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. Bà Nguyễn Thủy Thanh T3, sinh năm 1977 (vắng mặt);

Địa chỉ: số A đường L, Phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3. Bà Huỳnh Thị B, sinh năm 1953 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp E, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. Ông Nguyễn Văn T4, sinh năm 1978 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thị Linh C và ông Nguyễn Thanh D1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T là ông Nguyễn Văn D trình bày:

Do có quan hệ họ hàng nên vào ngày 02/4/2021 ông Nguyễn Văn T có cho ông Nguyễn Thanh D1 và bà Nguyễn Thị Linh C vay mượn số tiền 875.000.000 đồng để trả nợ cho ông Nguyễn Văn T4, các bên thống nhất thỏa thuận thời gian trả nợ là 01 tháng. Đến tháng 5/2021, ông D1 và bà C có giao cho ông T bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với mục đích để ông T vay tiền ngân hàng trả số tiền 875.000.000 đồng nhưng việc vay mượn ở ngân hàng không đủ thanh toán số tiền nợ nên ông T đã giao trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho ông D1, bà C. Phía ông D1, bà C hứa hẹn trong tháng 08/2021 sẽ giao trả toàn bộ số tiền 875.000.000 đồng cho ông T nhưng đến nay vẫn không thực hiện nên ông T khởi kiện, yêu cầu ông Nguyễn Thanh D1 và bà Nguyễn Thị Linh C phải có nghĩa vụ giao trả cho ông số tiền 875.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Linh C trình bày:

Không thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì bà C đã trả hết và giao đủ số tiền 875.000.000 đồng mà bà và ông Nguyễn Thanh D1 mượn của ông T cho bà Huỳnh Thị Thùy T2, việc giao nhận có người làm chứng là ông Nguyễn Văn T4 là người đi cùng bà C và bà T2 đến Ngân hàng Q1 – Chi nhánh L2. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà C không đồng ý.

Ngoài ra, từ tháng 10/2020 đến tháng 10/2021 bà C có cho bà Huỳnh Thị Thùy T2 vay mượn nhiều lần với tổng số tiền 711.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Tháng 10/2020 bà T2 mượn số tiền 10.000.000 đồng, có biên nhận ngày 17/10/2020;
- Tháng 01/2021 mượn số tiền 51.000.000 đồng, có giấy mượn tiền;
- Tháng 3/2021 mượn số tiền 200.000.000 đồng, sự việc mượn tiền không lập thành văn bản nhưng có người làm chứng;
- Tháng 6/2021 mượn số tiền 400.000.000 đồng, bà C đứng ra vay tiền tại Ngân hàng Q1 thay cho bà T2;
- Tháng 10/2021 mượn số tiền 50.000.000 đồng, sự việc không có lập biên nhận nhưng có người làm chứng.

Thêm vào đó, bà T2 còn nhờ bà đứng ra chơi một số dây hụi, bà T2 đã hốt hụi và hứa gửi tiền cho bà đóng hụi chết nhưng bà T2 không thực hiện với tổng số tiền hụi chết là 235.000.000 đồng, cụ thể gồm:

- Dây hụi 5.000.000 đồng do bà Nguyễn Thị H1 (T) là chủ hụi, khai ngày 18/5/2020, dây hụi có 17 phần, bà C chơi giùm bà T2 01 phần và bà T2 đã hốt được số tiền 58.300.000 đồng, số tiền hụi chết bà C đã đóng thay cho bà T2 là 80.000.000 đồng, bà T2 đã trả được 55.000.000 đồng nên còn nợ bà C số tiền 25.000.000 đồng.

- Dây hụi 5.000.000 đồng do bà Huỳnh Thị B (B) là chủ hụi, khai ngày 04/10/2020, dây hụi có 22 phần, bà T2 nhờ bà C chơi giùm 03 phần và đã hốt được số tiền là 225.600.000 đồng. Bà T2 đã đóng được 08 tháng với số tiền là 120.000.000 đồng, còn lại số tiền 210.000.000 đồng bà C đã trả thay cho bà T2.

Tổng cộng số tiền hụi bà C đã trả thay cho bà T2 là 235.000.000 đồng.

Do đó, bà C có yêu cầu phản tố yêu cầu ông T và bà T2 liên đới giao trả số tiền 946.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 0,81%/tháng, tạm tính đến ngày 04/6/2022 là 7.880.180 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh D1 trình bày:

Thông nhất có vay tiền của nguyên đơn nhưng hiện nay vợ ông là bà Nguyễn Thị Linh C đã giao trả số tiền đã mượn cho bà Huỳnh Thị Thùy T2 nên đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông không đồng ý. Đối với yêu cầu phản tố của bà C, ông thống nhất và không có ý kiến gì thêm. Ông Nguyễn Thanh D1 đã ủy quyền tham gia tố tụng cho bà Nguyễn Thị Linh C.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Thùy T2 là ông Nguyễn Văn D trình bày:

Bà T2 không đồng ý với lời trình bày của bà C và ông Nguyễn Thanh D1. Đối với số tiền 875.000.000 đồng mà ông T cho bà C và ông D1 vay, bà T2 khẳng định không có việc bà C giao trả cho bà số tiền 875.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu phản tố của bà C, bà T2 không đồng ý, hiện tại bà T2 chỉ còn nợ bà C số tiền hui theo dây hui 5.000.000 đồng với số tiền 25.000.000 đồng, phần tiền hui này bà T2 có ghi biên nhận nợ cho bà C tại biên nhận ngày 20/10/2020 nên bà T2 đồng ý trả cho bà C, còn đối với những yêu cầu phản tố khác bà T2 không thừa nhận, bà T2 khẳng định đối với số tiền 61.000.000 đồng theo biên nhận mà bà C giao nộp bà T2 mượn người khác và đã trả hết nhưng không thu hồi lại bản chính nên bà không đồng ý trả, những khoản khác còn lại bà hoàn toàn không có nợ bà C và bà C cũng không có chứng cứ để chứng minh. Những người đứng ra làm chứng cho bà C là những người có quen biết với bà C nên không có giá trị chứng minh.

Người làm chứng bà Huỳnh Thị B (B) trình bày:

Bà có cho bà C tham gia chơi nhiều dây hui, trong đó có dây hui khai ngày 04/10/2020, bà C tham gia 03 phần và đã hốt đủ số tiền là 225.600.000 đồng, bà C mỗi tháng đã đóng 15.000.000 đồng tiền hui chết cho bà B và hiện đã đóng xong. Đối với dây hui này, ban đầu bà C có xin cho bà T2 chơi nhưng bà B không đồng ý nên bà C đứng tên tham gia, việc bà C hốt hui có giao lại tiền cho bà T2 hay không thì bà B không biết. Bà xác nhận bà C tham gia chơi hui với tên là 10 Diệu. Do bận công việc cá nhân nên bà xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người làm chứng bà Nguyễn Thủy Thanh T3 trình bày:

Bà xác nhận vào tháng 10/2021 bà có chứng kiến việc bà C cho bà T2 mượn số tiền 50.000.000 đồng nhưng bà T2 không trả cho bà C số tiền trên. Do bận công việc cá nhân nên bà T3 cũng xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người làm chứng ông Nguyễn Văn T4 trình bày:

Ông xác nhận lời trình bày của bà C là đúng, khoảng tháng 6/2021 ông có cùng bà C và người phụ nữ tên T2 đến Ngân hàng Q1 – Chi nhánh L2 để ông giới thiệu cho bà C vay số tiền 1.500.000.000 đồng. Sau khi hoàn tất thủ tục vay, bà C có giao trả cho ông số tiền 70.000.000 đồng và có giao tiền cho người tên T2, tuy nhiên số tiền bà C giao cho bà T2 là bao nhiêu ông không xác định được. Đối với vụ án này, ông không có ý kiến và xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

** Tại phiên tòa sơ thẩm:*

Người đại diện theo ủy quyền của ông T và bà T2 trình bày: nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu, không đồng ý với toàn bộ ý kiến cũng như yêu cầu phản tố của bị đơn, việc bà C trình bày đã trả số nợ 875.000.000 đồng cho bà T2 là không phù hợp, không có tài liệu chứng cứ để chứng minh. Ông T là người cho bà C và ông D1 mượn nợ thì ông D1, bà C phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền đó cho ông T. Việc vay mượn giữa bà C và bà T2

thì ông T không hề biết nên không đồng ý liên đới nếu bà T2 có nợ bà C. Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn, bà T2 chỉ đồng ý trả số tiền hui còn thiếu theo biên nhận nợ là 25.000.000 đồng, còn đối với các khoản tiền khác bà T2 không đồng ý trả vì thực tế bà T2 không hề mượn nợ của bà C cũng như không nhờ bà C tham gia chơi hui giùm đối với dây hui ngày 04/10/2020. Ông Nguyễn Văn D thừa nhận giữa bà T2 và bà C có trao đổi tin nhắn với nhau và xác thực tên người dùng Zalo trong ví bằng là của bà T2, tuy nhiên nội dung tin nhắn về việc bà C yêu cầu bà T2 gửi tiền lãi đóng tiền ngân hàng chưa đủ cơ sở để chứng minh việc bà T2 có nhờ bà C vay khoản tiền 400.000.000 đồng tại ngân hàng theo đơn phản tố của bà C nên không thống nhất trả.

Bị đơn Nguyễn Thị Linh C trình bày: do bà và bà T2 có nợ ông Nguyễn Văn T4 số tiền 700.000.000 đồng nên bà T2 đã thuyết phục ông T cho bà C và ông D1 vay số tiền 875.000.000 đồng, bà C và ông D1 đã nhận đủ số tiền 875.000.000 đồng từ ông T. Sau khi vay được số tiền 1.500.000.000 đồng, do số tiền lớn nên bà C có nhờ ông T4 nhận giùm và bà C cùng với bà T2 đến bến xe T để nhận từ ông T4; sau đó, bà C đã giao cho bà T2 số tiền 725.000.000 đồng tại nhà bà C, việc giao nhận số tiền 725.000.000 đồng không có ai chứng kiến cũng như không lập biên nhận. Lý do bà C chỉ đưa bà T2 số tiền 725.000.000 đồng để trả cho ông T là do ông T có nợ bà C số tiền 150.000.000 đồng nên các bên đã tự cân trừ lại. Sau khi đưa bà T2 số tiền 725.000.000 đồng, bà C có nhiều lần yêu cầu bà T2 đến nhà để viết biên nhận nhưng bà T2 không đến. Đối với các khoản tiền bà C cho bà T2 mượn theo biên nhận bà C xác định là bà T2 nhờ bà C liên hệ để bà T2 mượn tiền của người khác, sau đó bà T2 không có khả năng chi trả nên bà C đã đứng ra trả hết cho bà T2 và thu lại biên nhận nợ bản chính. Theo biên nhận nợ ngày 17/10/2020 và biên nhận nợ không ghi ngày tháng với số tiền 51.000.000 đồng, bà C trình bày quá trình trả tiền góp hàng ngày bà T2 đã góp được cho chủ nợ 9.000.000 đồng rồi không góp tiếp nữa, những khoản nợ khác thì bà T2 không góp được tháng nào. Ngoài ra, tại phiên tòa, bà C khẳng định đối với số tiền 400.000.000 đồng bà T2 nhờ vay tại ngân hàng thì thực tế bà C chỉ giao cho bà T2 số tiền là 200.000.000 đồng, cộng với số tiền 200.000.000 đồng bà T2 đã nợ trước đó nên là 400.000.000 đồng, chứng cứ để chứng minh là nội dung tin nhắn Zalo bà T2 đóng tiền lãi hàng tháng khi bà C nhắc, số tiền lãi hàng tháng đóng là khoảng 4.200.000 đồng đến 4.300.000 đồng. Tháng 10/2021 bà C tiếp tục cho bà T2 vay số tiền 50.000.000 đồng, thực tế nguồn gốc số tiền đó là bà C mượn giùm bà T2 số tiền 40.000.000 đồng, sau khi phát sinh tranh chấp bà C có nhờ chủ nợ viết lại cho bà tờ biên nhận nợ 40.000.000 đồng và số tiền 10.000.000 đồng còn lại là tiền bà T2 mượn trực tiếp của người khác nhưng không trả và bà C đã đứng ra trả cho bà T2 nên tổng số tiền bà T2 còn nợ là 50.000.000 đồng. Do đó, nay bà C yêu cầu bà T2, ông T phải liên đới trả số tiền 946.000.000 đồng, không cần trả lãi, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà C không đồng ý trả vì đã trả hết cho bà T2.

Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2023/DS-ST ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, khoản 2 Điều

227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 166, 244, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

Buộc ông Nguyễn Thanh D1 và bà Nguyễn Thị Linh C có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền là 875.000.000 đồng (tám trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Linh C.

Buộc bà Huỳnh Thị Thùy T2 trả cho bà Nguyễn Thị Linh C số tiền 77.000.000 đồng (bảy mươi bảy triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Linh C về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị Thùy T2 liên đới trả số tiền 869.000.000 đồng (tám trăm sáu mươi chín triệu đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 05/7/2023, bị đơn bà Nguyễn Thị Linh C và ông Nguyễn Thanh D1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T và buộc bà Huỳnh Thị Thùy T2 phải trả đủ cho ông bà số tiền 946.000.000 đồng gồm nợ mượn và nợ hui mà bà C đã trả thay.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố và yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà C: khi vay số tiền 875.000.000 đồng thì bà C giao giấy chứng nhận, nhưng ông T trả lại giấy chứng nhận vì giá trị đất thấp hơn tiền vay. Sau đó vào tháng 6/2021 bà C vay được tiền và trả trực tiếp cho bà T2 725.000.000 đồng, đưa cho ông T 150.000.000 đồng để trả nợ ngân hàng, bà T2 hứa trả lại biên nhận nợ nhưng không thực hiện, thực tế thì bà C đã trả xong số nợ 875.000.000 đồng. Về yêu cầu phản tố đối với số tiền 946.000.000 đồng và lãi, đây là số tiền bà Chi trả nợ giùm, đóng tiền hui thay bà T2; tại cấp sơ thẩm thì bà T2 gặp khó khăn trong việc chứng minh cho yêu cầu của mình và cấp sơ thẩm chưa đánh giá, xác minh lời khai các nhân chứng làm rõ sự thật, chỉ chấp nhận 02 biên nhận 61.000.000 đồng và 25.000.000 đồng (chưa trừ 9.000.000 đồng bà T2 đã trả) là thiệt thòi

cho bà C và ông D1. Từ đó, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T và bà T2: xét về chứng cứ của ông T cung cấp là biên nhận nợ ngày 02/4/2021 với số tiền nợ là 875.000.000 đồng; phía bà C khai nại đã trả nợ xong nhưng không được ông T, bà T2 thừa nhận và cũng không có chứng cứ chứng minh. Đối với yêu cầu phản tố của bà C cũng không được bà T2 thừa nhận, bà C không có chứng cứ trực tiếp nào để chứng minh, lời khai của các nhân chứng không rõ ràng, thiếu khách quan. Như vậy, toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn đều không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận, giữ nguyên án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo: đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa án sơ thẩm đối với phần tuyên buộc bà T2 trả bà C số tiền theo biên nhận 10.000.000 đồng và 51.000.000 đồng.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định quan hệ tranh chấp đúng quy định và đúng thẩm quyền giải quyết.

Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Linh C và ông Nguyễn Thanh D1 nộp còn trong thời hạn và hợp lệ, đúng quy định tại các điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà C và ông D1:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà C trình bày: số tiền vay theo Giấy mượn tiền ngày 02/4/2021 là 875.000.000 đồng thì bà Chi trả 02 lần, lần đầu (bà không nhớ ngày tháng) bà C đưa cho ông T 150.000.000 đồng để ông T trả nợ ngân hàng, lần hai bà Chi t trực tiếp cho bà T2 vào ngày 23/6/2023 nên không còn nợ. Đối với số tiền 946.000.000 là tiền bà Chi trả nợ và tiền đóng hụi chết thay bà T2 nhưng bà T2 không trả lại cho bà.

[2.1] Về yêu cầu khởi kiện của ông T:

Ông T yêu cầu bà C và ông D1 trả số tiền nợ 875.000.000 đồng.

Căn cứ khởi kiện của ông T là “*Giấy mượn tiền*” ngày 02/4/2021 có chữ ký tên, ghi họ tên Nguyễn Thanh D1 – Nguyễn Thị Linh C (bút lục 31); bà C thừa nhận “*Giấy mượn tiền*” ngày 02/4/2021 do bà C viết và bà cùng chồng là ông D1 ký tên.

Tại cấp sơ thẩm, bà C khai: bà đã trả đủ số tiền nợ 875.000.000 đồng cho bà T2 tại nhà của bà C (bút lục 40, 183) có ông Nguyễn Văn T4 làm chứng (bản tự khai – bút lục 55), lời khai của ông T4 (bút lục 232, 343) là thấy bà C có đưa cho bà T2 tiền nhưng không nhớ là bao nhiêu và ông T4 xác nhận là không biết giữa bà C và bà T2 có quan hệ vay mượn như thế nào; ngoài ra bà C và ông D1 không có chứng cứ nào khác chứng minh có trả số tiền 875.000.000 đồng theo “Giấy mượn tiền” ngày 02/4/2021, từ đó cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T buộc bà C và ông D1 trả cho ông T số tiền vay 875.000.000 đồng là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà C khai: bà đã trả đủ số tiền nợ 875.000.000 đồng theo “*Giấy mượn tiền*” ngày 02/4/2021 làm hai lần: lần đầu vào thời gian nào thì bà không nhớ, lần này bà đưa tiền trực tiếp cho ông T 150.000.000 đồng để ông T trả nợ ngân hàng; lần hai bà trả tiền trực tiếp cho bà T2 725.000.000 đồng vào ngày 23/6/2021; việc giao nhận tiền giữa bà với ông T, bà T2 có ông Lê Văn Q chứng kiến. Lời khai này của bà C không được bà T2, ông T thừa nhận và không phù hợp với trình bày của ông Q (bút lục 236), không nhất quán với lời khai của chính bà C tại phiên tòa sơ thẩm nên không có cơ sở để xem xét.

[2.2] Về yêu cầu phản tố của bà C: yêu cầu ông T và bà T2 liên đới trả cho bà C số tiền 946.000.000 đồng, trong đó tiền vay 711.000.000 đồng và tiền nợ hui là 235.000.000 đồng (bút lục 65).

- Về số tiền vay:

Đối với số tiền vay có biên nhận (là 61.000.000 đồng): bà C cung cấp Giấy mượn tiền ghi ngày 17/10/2020 ghi số tiền vay là 10.000.000 đồng (bút lục 239) và Giấy mượn tiền không ngày tháng ghi số tiền vay là 51.000.000 đồng (bút lục 240) không thể hiện người cho mượn tiền là ai và có chữ ký tên người mượn tên Huỳnh Thị Thùy T2. Tại Biên bản đối chất ngày 09/8/2022 (bút lục 178) bà T2 thừa nhận chữ ký tên trên 02 Giấy mượn tiền trên là của bà T2 nhưng khai nại là không có mượn số tiền này của bà C. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bà C khai số tiền này là bà T2 vay của người khác và bà C đã trả thay. Xét thấy, bà T2 không thừa nhận số tiền vay của 02 Giấy mượn tiền này là vay của bà C, bà C không cung cấp thông tin của người cho bà T2 vay tiền đồng thời không chứng minh được có sự chuyển giao nghĩa vụ từ bà T2, bà C và người cho bà T2 vay tiền nên không có căn cứ để xác định bà T2 có nghĩa vụ trả nợ vay cho bà C, từ đó không đủ cơ sở để buộc bà T2 trả số tiền 61.000.000 đồng cho bà C, nên cần sửa án sơ thẩm. Về số tiền 9.000.000 đồng bà C khai đã nhận của bà T2 để trả khoản nợ 61.000.000 đồng trên, do bà T2 không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ kiện này.

Đối với số tiền vay không có biên nhận (là 650.000.000 đồng): bà C trình bày là các khoản tiền 200.000.000 đồng bà C cho vay vào khoảng tháng 3/2021 có anh H làm chứng (bút lục 253); 400.000.000 đồng bà C cho vay khi bà C vay tiền của Ngân hàng Q1 vào ngày 23/6/2021 (bút lục 47); 50.000.000 đồng bà C cho vay vào tháng 10/2021. Xét thấy, các khoản tiền vay không có biên nhận đều không được bà C thừa nhận, lời khai của người làm chứng không rõ ràng,

không có ai trực tiếp thấy bà C đưa tiền cho bà T2 vay, mặt khác lời khai của bà C tại cấp sơ thẩm không nhất quán nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà C về số tiền 650.000.000 đồng này.

Như vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận yêu cầu phản tố của bà C về yêu cầu bà T2 trả số tiền vay 711.000.000 đồng.

- Về số tiền nợ hui là 235.000.000 đồng: bà C trình bày, đây là số tiền nợ hui do bà C chơi hui giùm bà T2 gồm:

Dây hui tháng 5.000.000 đồng khai ngày 15/8/2020 (bút lục 242) do bà Tư H2 làm chủ, bà C (10 Điều) đứng tên chơi giùm 01 phần, bà C hốt hui và bà H2 giao tiền hui cho bà C là 58.300.000 đồng.

Hai dây hui tháng 5.000.000 đồng do bà Ba B1 làm chủ (bút lục 252) bà C đứng tên chơi giùm 03 phần trong dây hui khai ngày 04/10/2020 và bà B1 giao tiền hui cho bà C ở các lần hốt hui là 223.600.000 đồng (bút lục 252), 75.200.000 đồng (bút lục 257); sau khi hốt hui thì bà C giao tiền hui cho bà T2 và bà T2 có đóng hui chết thông qua bà C được 14 tháng nên còn nợ lại 210.000.000 đồng.

Nhận thấy, đối với các dây hui do bà Ba B1 và Tư H2 làm chủ thì bà T2 không thừa nhận có nhờ bà C đứng tên chơi hui thay, phía bà C không cung cấp được chứng cứ có giao số tiền lãnh hui của bà H2 hay bà B1 cho bà C nên không có căn cứ để xác định bà T2 có nợ tiền hui do bà C chơi hui và đóng hui chết thay bà T2, nên không có căn cứ để xác định bà T2 nợ bà C số tiền 235.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bà T2 thừa nhận còn nợ bà C số tiền hui là 25.000.000 đồng theo biên nhận nợ ngày 20/10/2020 và đồng ý trả cho bà C nên Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận sự tự nguyện này của bà T2 là phù hợp.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa án sơ thẩm.

[3] Về án phí: các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Do sửa án sơ thẩm nên bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4] Về ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà C là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[5] Về ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T và bà T2 có phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

[6] Về ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 166, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Điều 26, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị Linh C và Nguyễn Thanh D1.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2023/DS-ST ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

Buộc ông Nguyễn Thanh D1 và bà Nguyễn Thị Linh C có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền nợ là 875.000.000 đồng (tám trăm bảy mươi lăm triệu đồng), thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Linh C1 về yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị Thùy T2 liên đới trả số tiền 921.000.000 đồng (chín trăm hai mươi một triệu đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Huỳnh Thị Thùy T2 trả cho bà Nguyễn Thị Linh C số tiền nợ hui là 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Thanh D1 và bà Nguyễn Thị Linh C phải chịu 38.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Linh C phải chịu 39.630.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận, được trừ vào 20.308.000 đồng tạm ứng án phí mà bà đã nộp theo biên lai thu số 0022372 ngày 16/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang nên phải nộp tiếp 19.322.000 đồng.

Bà Huỳnh Thị Thùy T2 phải chịu 1.250.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho ông Nguyễn Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.100.000 đồng theo biên lai thu số 0022159 ngày 26/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn lại ông D1 và bà C số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 600.000 đồng theo các biên lai thu số 0024040, 0024041 cùng ngày 05/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thành phố M;
- CCTHADS thành phố M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Minh Nguyệt